

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số:15/2018/QĐST-HNGĐ

Bỉm sơn, ngày 21 tháng 02 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC Đ- ƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:117/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1991

Trú tại: SN A Đ- ờng P, khu phố X, ph- ờng S, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh **Trần Thanh H** - sinh năm 1983

Trú tại: SN A Đ- ờng P khu phố X ph- ờng S thị xã Bỉm sơn, tỉnh Thanh hóa.

Những ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Nguyễn Văn T** - sinh năm: 1984

Hộ khẩu th- ờng trú: Đội M xóm N, ph- ờng Đ, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bà **Trịnh Thị C** - sinh năm: 1959

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh **Nguyễn Anh Sơn**

Địa chỉ: Số nhà B đ- ờng Đ, Ph- ờng P, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

4. Anh **Mai Công Minh**

Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện G., tỉnh Thanh Hóa.

5. Công ty **TNHH T**

Địa chỉ: Thôn D xã Q, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

6. Anh **Phạm Văn T** - sinh năm: 1983

Trú tại: Khu B, Ph- ờng P, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144 và khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84/ Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và Biên bản hòa giải ngày 08 tháng 02 năm 2018;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các Đ-ơng sự đ-ợc ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đ-ơng sự nào thay đổi về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thảo và anh Trần Thanh Hùng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đ-ơng sự cụ thể nh- sau:

- **Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Thanh H nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con cái:** Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Trần V. A(nữ) sinh ngày 19/3/2010. Vợ chồng thỏa thuận giao cháu V.A cho anh H trực tiếp nuôi d-ỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên. Chị T không phải cấp d-ỡng nuôi con chung.

Chị T đ-ợc quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, anh Hùng không đ-ợc quyền ngăn cản.

Vì quyền lợi của con cái khi cần thiết các đ-ơng sự có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp d-ỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản và công nợ chung:** Hai bên đ-ơng sự và những ng-ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận giải quyết về công nợ. Ng-ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã rút yêu cầu độc lập về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Bị đơn đã rút yêu cầu về phân chia tài sản nên không phải giải quyết.

- **Án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Thanh H mỗi ng-ời nộp 75.000đ, hai bên thỏa thuận chị T nộp thay phần anh H nh- ng đ-ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bửu Sơn, theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0004225 ngày 25/7/2017. Nh- vậy, chị T, anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đ-ợc nhận lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm m-oi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bửu Sơn.

Trả lại cho anh Trần Thanh H số tiền tạm ứng án phí 8.000.000đ(Tám triệu đồng) theo biên lai thu số:AA/2016/0004261 ngày 18/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đ- ơng sự;
- Viện kiểm sát ND thị xã Bim sơn
- UBND xã Quang Trung(ĐK 2009)
- Chi cục thi hành án;
- L- u Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

L- U THỊ LAN